

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD
TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG
MÃ HỌC PHẦN : CHE - 101

HỌC KỲ 2
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					20				25				55	100		
1	168211980	TRẦN TÂN	ANH	T16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháy Saù	
2	168211981	VÕ VĂN	ÁNH	T16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
3	168211982	NGUYỄN MINH	BIÊN	T16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng	
4	168211983	HOÀNG THÁI	BÌNH	T16XDD1	8				8				7	7.5	Báý pháy Năm	
5	168211984	NGUYỄN TẮT	CÀN	T16XDD1	9				8				8	8.2	Taìm pháy Hai	
6	168211985	HUỖNH NGỌC	CHÍ	T16XDD1	9				8				7	7.7	Báý pháy Báý	
7	168211986	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	T16XDD1	10				7				4	6.0	Saù	
8	168211987	PHẠM NGỌC	CÔNG	T16XDD1	8				7				7	7.2	Báý pháy Hai	
9	168211988	LÊ QUỐC	CƯỜNG	T16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
10	168211989	NGUYỄN CAO	CƯỜNG	T16XDD1	8				8				8	8.0	Taìm	
11	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	8				7				7	7.2	Báý pháy Hai	
12	168211992	LÊ ĐẠI	HÀI	T16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng	
13	168211993	PHẠM VIỆT	HÀI	T16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng	
14	168211994	ĐOÀN CÔNG	HÀI	T16XDD1	10				8				7	7.9	Báý pháy Chèn	
15	168211995	TRẦN VĂN	HÀI	T16XDD1	10				9				8	8.7	Taìm pháy Báý	
16	168211996	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀNG	T16XDD1	8				8				9	8.6	Taìm pháy Saù	
17	168211998	PHẠM VĂN	HẠNH	T16XDD1	9				7				4	5.8	Nàm pháy Taìm	
18	168212000	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	T16XDD1	8				6				7	7.0	Báý	
19	168212001	TRẦN XUÂN	HIẾU	T16XDD1	10				9				9	9.2	Chèn pháy Hai	
20	168212002	BÙI THANH	HÒA	T16XDD1	10				8				8	8.4	Taìm pháy Bấu	
21	168212003	NGUYỄN VĂN	HÒA	T16XDD1	10				8				8	8.4	Taìm pháy Bấu	
22	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	10				8				7	7.9	Báý pháy Chèn	
23	168212007	NGUYỄN	KẾ	T16XDD1	10				8				8	8.4	Taìm pháy Bấu	
24	168212008	TRẦN THANH	KHÁNG	T16XDD1	7				7				8	7.6	Báý pháy Saù	
25	168212010	TRƯƠNG QUỐC	KHÁNH	T16XDD1	8				7				8	7.8	Báý pháy Taìm	
26	168212011	ĐÌNH VĂN	KHOA	T16XDD1	9				8				8	8.2	Taìm pháy Hai	
27	168212012	NGUYỄN LƯU ĐÌNH	KỶ	T16XDD1	9				7				8	8.0	Taìm	
28	168212013	HỒ ĐẮC	LINH	T16XDD1	10				8				8	8.4	Taìm pháy Bấu	
29	168212014	NGUYỄN TÂN	LỰC	T16XDD1	10				8				7	7.9	Báý pháy Chèn	
30	168212015	BÙI VĂN	MINH	T16XDD1	8				7				8	7.8	Báý pháy Taìm	
31	168212016	LỮ TRỌNG	MINH	T16XDD1	10				8				8	8.4	Taìm pháy Bấu	
32	168212017	PHẠM THANH	MƯỜI	T16XDD1	9				7				8	8.0	Taìm	
33	168212018	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	MỸ	T16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng	
34	168212019	PHẠM VĂN	NA	T16XDD1	6				4				HP	0.0	Khăng	
35	168212020	DƯƠNG HỒNG	NAM	T16XDD1	10				8				8	8.4	Taìm pháy Bấu	
36	168212022	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	T16XDD1	9				7				7	7.4	Báý pháy Bấu	
37	168212025	ĐẶNG VĂN	NHÂN	T16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng	
38	168212051	LÊ THANH	TRỌNG	T16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng	
39	168222065	ĐẶNG QUỐC	BẢO	T16XDD1	10				8				8	8.4	Taìm pháy Bấu	
40	168222077	BÙI NGUYỄN HỒNG	HÀI	T16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng	
41	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng	
42	152210186	ĐOÀN VIỆT	VƯƠNG	T16XDD1	8				7				8	7.8	Báý pháy Taìm	
43	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỀN	T16XDD2	7				6				6	6.2	Saù pháy Hai	

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
44	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
45	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD2	8				7				8	7.8	Báý pháý Tâm		
46	168212023	PHAN ĐÌNH	NHÂN	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
47	168212024	HỒ CÔNG	NHÂN	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
48	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	9				8				7	7.7	Báý pháý Báý		
49	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
50	168212028	LÊ ANH	PHƯỚC	T16XDD2	8				7				6	6.7	Sầu pháý Báý		
51	168212029	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
52	168212030	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
53	168212031	NGUYỄN MAI BẢO	PHƯƠNG	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
54	168212032	HUỖNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	9				7				7	7.4	Báý pháý Bắú		
55	168212033	VÕ MINH	QUỐC	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
56	168212034	HÀ TÂN	QUỐC	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
57	168212035	ĐỖ PHÚ	QUÝ	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
58	168212036	TRƯƠNG NGUYỄN	SA	T16XDD2	9				8				8	8.2	Tâm pháý Hai		
59	168212037	ĐẶNG VĂN	SĨ	T16XDD2	9				8				9	8.8	Tâm pháý Tâm		
60	168212038	NGUYỄN MINH	TÂM	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
61	168212039	VÕ SỸ	TÂN	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
62	168212040	VÕ VĂN	THẠCH	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
63	168212041	ĐÌNH QUANG	THANH	T16XDD2	10				8				8	8.4	Tâm pháý Bắú		
64	168212042	PHẠM TRUNG	THÀNH	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
65	168212043	TRẦN TÀI	THÀNH	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
66	168212044	ĐẶNG TRUNG	THÀNH	T16XDD2	9				8				7	7.7	Báý pháý Báý		
67	168212045	LÊ PHỈ	THẠNH	T16XDD2	8				7				7	7.2	Báý pháý Hai		
68	168212046	BÙI QUỐC	THỌ	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
69	168212047	NGUYỄN VĂN	THÔNG	T16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
70	168212050	NGUYỄN CÔNG	TRÔI	T16XDD2	7				6				6	6.2	Sầu pháý Hai		
71	168212052	NGUYỄN THANH	TRUNG	T16XDD2	10				8				7	7.9	Báý pháý Chên		
72	168212053	PHẠM MINH	TUẤN	T16XDD2	9				7				6	6.9	Sầu pháý Chên		
73	168212054	VĂN ĐÌNH	TUẤN	T16XDD2	10				8				9	9.0	Chên		
74	168212055	NGUYỄN XUÂN	TY	T16XDD2	9				7				7	7.4	Báý pháý Bắú		
75	168212057	NGUYỄN ĐỨC	VINH	T16XDD2	10				8				8	8.4	Tâm pháý Bắú		
76	168212058	PHẠM	VĨNH	T16XDD2	10				8				6	7.3	Báý pháý Ba		
77	168212060	TRẦN QUANG	VŨ	T16XDD2	8				7				6	6.7	Sầu pháý Báý		
78	168212061	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDD2	10				9				9	9.2	Chên pháý Hai		
79	168212062	LÊ THỊ	YẾN	T16XDD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
80	168222100	NGUYỄN THANH	NGỌC	T16XDD2	10				8				6	7.3	Báý pháý Ba		
81	168222125	TRẦN GIANG	TUẤN	T16XDD2	10				8				8	8.4	Tâm pháý Bắú		
82	168222129	NGUYỄN ĐÌNH	VINH	T16XDD2	10				8				6	7.3	Báý pháý Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	60	73%	
2	Số sinh viên nợ	22	27%	
TỔNG CỘNG :		82	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 07 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				20				25					55		100

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú